

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 08/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn D**
2. Ông **Lương Nam Xuất T**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân K** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2023/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2023/QĐXXST-HS ngày 24/5/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Trung V - sinh năm 1990 tại tỉnh G; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: V Bàu; Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: V Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn H, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957. Hiện cha bị cáo định cư tại Mỹ, mẹ bị cáo trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1979, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo trước đây có vợ là chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và có 02 người con sinh năm 2017 và 2021. Người con lớn hiện sinh sống với bị cáo, người con nhỏ sinh sống cùng mẹ tại thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh G;

Tiền án: Có 01 tiền án. (Ngày 30/8/2022, bị Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử và tuyên phạt 05 tháng 18 ngày tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 45/2022/HSST);

Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 23/01/2017, bị Công an huyện Đ ra Quyết định xử phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2023, đến ngày 26/02/2023 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông **Lương Chấn V1**, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2/ Chị **Võ Thị Mỹ L**, sinh năm 2002; Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 08 giờ ngày 17/02/2023, Nguyễn Trung V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Ultimo, màu nâu đen, biển số 81B1-490.18 là xe của mẹ V đi từ nhà đến thăm con trai tại Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

Khi đi trên đường thì xe của V gần hết xăng nên V đi đến nhà cháu họ là Võ Thị Mỹ L (sinh năm 2002, trú tại Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) để mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu trắng đen biển số 81V1-147.52. V điều khiển xe của L đi về hướng Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo đường liên thôn thuộc Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Lúc này khoảng 09 giờ cùng ngày, V thấy trong sân nhà ông Nguyễn Văn Th (sinh năm 1968, trú tại Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) treo một lồng chim bằng tre, bên trong có nhốt một con chim, loại chim Khướu lông màu đen. V thấy cổng mở, không có ai trông coi, V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã đỗ xe mô tô ở bụi chuối cách cổng nhà ông Th khoảng 10m rồi đi bộ vào trong sân. V đứng trên ghế đá dùng tay trái đỡ đáy lồng chim bằng tre, lấy xuống cầm trên tay rồi đi ra khỏi nhà ông Th. Sau đó, V một tay điều khiển xe mô tô, một tay cầm lồng chim đi đến tiệm cà phê chim của anh Lương Chấn V1 (sinh năm 1972, trú tại TDP 4, thị trấn Đ, huyện Đ) và nhờ anh V1 bán hộ con chim trên. Anh V1 đồng ý và nhận lồng chim treo lên giàn còn V điều khiển xe về trả lại cho L rồi lấy xe của V đi về nhà. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, ông Th đi về nhà phát hiện bị mất trộm tài sản nên trình báo Cơ quan Công an. Khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, tại Công an huyện Đ, Nguyễn Trung V đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản trên. Khi nhờ anh Lương Chấn V bán hộ con chim trên thì V nói đây là tài sản của mình, anh V1 sau khi biết là tài sản do trộm cắp mà có nên đã giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để xử lý theo quy định.

Tại Kết luận định giá số 16/KL-HĐĐGTS ngày 23/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: Lồng chim và con chim Khướu bị V chiếm đoạt có giá trị là 2.200.000 đồng.

2. Về vật chứng: Trên cơ sở kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại lồng chim và con chim Khướu trên cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Th.

3. Về dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn Th không có yêu cầu bồi thường.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 04/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Nguyễn Trung V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có tài sản; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 17/02/2023, tại Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, Nguyễn Trung V đã thực hiện hành vi trộm cắp của ông Nguyễn Văn Th một lồng chim và một con chim Khướu có giá trị là 2.200.000 đồng. Ngày 17/02/2023, Nguyễn Trung V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo hoàn toàn nhận thức được quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản bất hợp pháp đều bị pháp luật trừng trị. Bị cáo cũng đã từng bị Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử và tuyên phạt 05 tháng 18 ngày tù cũng về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 45/2022/HSST ngày 30/8/2022, nhưng bị cáo đã không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà bất chấp các quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1

Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian bằng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại lồng chim và con chim Khướu trên cho ông Nguyễn Văn Th chủ sở hữu là đúng pháp luật.

[6] Về dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Th đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác: Chị Võ Thị Mỹ L là người quản lý, sử dụng xe mô tô biển số 81V1-147.52, quá trình cho V mượn xe mô tô chị L không biết V sử dụng xe làm phương tiện trộm cắp tài sản; Anh Lương Chấn V khi được bị cáo V nhờ bán con chim Khướu, anh V1 không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, không xử lý gì đối với chị L và anh V1 là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trung V** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung V 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17/02/2023.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung V phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/6/2023), bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ
(CQĐT, THAHS);
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác
- Lưu HS, AV, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân H